

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2025/DSST
Ngày: 22/4/2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Chiến

2. Ông Võ Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Đoàn Thực - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Lưu Công Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 76/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1876/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2024, quyết định tạm ngừng phiên tòa số 1956/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2024 và thông báo mở lại phiên tòa số 702/TB-TA ngày 04 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Hà Thị H, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thanh H1 hoạt động tại Văn phòng L thuộc đoàn luật sư tỉnh B (có mặt)

Địa chỉ: A đường H, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định.

*** Bị đơn:** Ông Phan Hữu D, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Hoàng Trọng Q hoạt động tại Văn phòng L1 thuộc đoàn luật sư tỉnh B (có mặt)

Địa chỉ: A đường N, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Phan Hữu T, sinh năm 1970 (có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ T1, sinh năm 1990 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

** Người làm chứng:*

1. Anh Phan Hữu N, sinh năm 1990 (vắng mặt)

2. Chị Phan Thị Ái V, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hà Thị H trình bày:* Bà là chị dâu của ông Phan Hữu D (chồng Phan Hữu T và ông D là anh em ruột). Bà mở tạp hóa bán tại nhà, có tiền vốn khoảng hơn 200.000.000 đồng năm 2021 do dịch bệnh không lấy hàng thì ông D đặt vấn đề với bà là đưa tiền cho ông D để xoay sở làm ăn việc gia đình rồi hàng tháng ông D đưa bà ít tiền để mua sữa cho cháu. Bà nghĩ dịch không lấy hàng, tiền để đó cũng không làm gì nên đồng ý. Trước lúc đưa tiền cho ông D vay thì bà có nói với ông D là khi nào chị cần thì em trả lại cho chị chứ tiền chị buôn bán, ông D đồng ý. Việc ông D thỏa thuận vay tiền chỉ có bà với ông D. Cụ thể bà cho ông D vay tiền các lần như sau:

- Ngày 02/4/2021 âm lịch vay số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng
- Ngày 11/4/2021 âm lịch vay số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng
- Ngày 16/5/2021 âm lịch vay số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng
- Ngày 03/5/2021 âm lịch vay số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng
- Ngày 16/5/2021 âm lịch vay số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng

Tổng cộng số tiền vay 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, đến ngày 02/7/2021 âm lịch ông D trả 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng, còn nợ lại số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng. Năm 2022 ông D tiếp tục vay tiền cụ thể như sau:

- Ngày 05/4/2022 âm lịch vay số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng
- Ngày 11/4/2022 âm lịch vay số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng
- Ngày 20/4/2022 âm lịch vay số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng
- Ngày 24/5/2022 âm lịch vay số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng
- Ngày 20/6/2022 âm lịch vay số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng)
- Ngày 22/6/2022 âm lịch vay số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng
- Ngày 24/6/2022 âm lịch vay số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng
- Ngày 25/6/2022 âm lịch vay số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng

Tổng số tiền vay năm 2022 là 195.000.000 đồng, cộng với 20.000.000 đồng tiền còn nợ của năm 2021, tổng cộng số tiền nợ là 215.000.000 (hai trăm mười lăm triệu) đồng.

Cũng trong ngày 25/6/2022 âm lịch, ông D nói bà chuyển nợ số tiền 20.000.000 đồng (trong số tiền nợ 215.000.000 đồng) từ bà sang ông D nợ con gái của bà tên

Phan Thị Ái V số tiền 20.000.000 đồng. Số tiền ông D nợ còn lại là 195.000.000 (một trăm chín mươi lăm triệu) đồng (215.000.000 đồng – 20.000.000 đồng), ông D nói từ bữa giờ không đưa cho bà đồng tiền lãi nào nên ông D tính thêm cho bà 5.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng số tiền nợ 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng cho chẵn chứ ông D không có đưa số tiền lãi 5.000.000 đồng cho bà. Ngoài ra ông D không còn vay bà khoản tiền nào khác.

Quá trình bà đưa tiền cho ông D vay không viết giấy tờ, cũng không có thỏa thuận lãi suất vay, sau đó ông D có đưa tiền cho bà tất nhất lúc 300.000 đồng, 400.000 đồng, 500.000 đồng, 700.000 đồng..., tổng cộng khoảng 13.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà xác định vào tháng 11 năm 2022 ông D đã trả cho bà 20.000.000 đồng tiền vay gốc, còn nợ 180.000.000 (một trăm tám mươi triệu) đồng, sau đó ông D trả cho ông Phan Hữu T (chồng bà) nhận số tiền 15.000.000 đồng nên bà xác định hiện vợ chồng ông D bà T còn nợ số tiền vay gốc là 165.000.000 (một trăm sáu mươi lăm triệu) đồng. Vì vậy bà thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu vợ chồng Phan Hữu D, bà Nguyễn Thị Mỹ T1 trả số tiền vay gốc còn nợ là 165.000.000 (một trăm sáu mươi lăm triệu) đồng và rút yêu cầu, không tính tiền lãi.

** Theo bản khai, biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa bị đơn ông Phan Hữu D trình bày:* Ông không nhớ cụ thể từng lần vay và ngày tháng năm vay tiền nhưng ông xác định từ năm 2019, ông có vay tiền của bà Hà Thị H số tiền khoảng 60.000.000 đồng, năm 2020 vay 100.000.000 đồng, năm 2021 vay thêm 20.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền vay gốc là 180.000.000 (một trăm tám mươi triệu) đồng, lúc đầu mức lãi suất vay là 5%/tháng (trả 500.000 đồng/tháng/10.000.000 đồng), sau đó ông không có tiền trả nên bà Hồng H2 lãi suất còn 4%/tháng; các lần vay và thỏa thuận mức lãi suất không có viết giấy tờ. Đến năm 2023 ông trả tiền vay gốc 15.000.000 đồng cho anh trai là ông Phan Hữu T (chồng bà H) nhận, ông còn nợ lại tiền vay gốc là 165.000.000 (một trăm sáu mươi lăm triệu) đồng. Ông xác định tại phiên tòa ngày 12/9/2024 ông khai còn nợ bà H số tiền vay gốc 100.000.000 đồng là do nhầm lẫn. Ông đã trả tiền lãi đều hàng tháng từ khoảng tháng 4 năm 2019 cho đến tháng 8 năm 2022 thì không trả tiền lãi nữa, việc trả tiền lãi không viết giấy tờ, lúc đưa tiền lãi chỉ có ông với bà H. Ông xác định ông vay tiền của bà H để ăn chơi ngoài đường, vợ ông không biết nên một mình ông chịu trách nhiệm trả nợ cho bà H. Ông xin trả dần mỗi năm là 20.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền còn nợ là 165.000.000 (một trăm sáu mươi lăm triệu) đồng thì ông không yêu cầu tính lại tiền lãi đã trả. Nếu bà H không đồng ý cho trả dần thì ông yêu cầu tính lại tiền lãi ông đã trả cho bà H mỗi tháng 5%/tháng từ tháng 4 năm 2019 cho đến tháng 8 năm 2022, mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Ngoài ra ông không còn ý kiến, yêu cầu nào khác.

** Theo bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Hữu T trình bày:* Thống nhất theo lời trình bày của bà Hà Thị H về mối quan hệ gia đình. Xuất phát từ mối quan hệ anh em ruột thịt trong gia đình, từ tháng 4 năm 2021 do cần vốn để làm ăn mua bán nên vợ chồng ông Phan Hữu D, bà Nguyễn Thị Mỹ T1 có mượn tiền của vợ chồng ông. Tuy nhiên lúc đó đang dịch covid và vợ chồng ông chưa tin tưởng vợ chồng ông D nên ban đầu

chỉ cho mượn ít từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, hàng tháng vợ chồng ông D cũng đều đặn đưa vợ ông ít tiền để mua sữa cho cháu nội như lời hứa. Cộng dồn đến đầu tháng 6 năm 2021 tổng số tiền vợ chồng ông D mượn là 100.000.000 đồng, chỗ anh em trong nhà nên việc vay mượn nói bằng miệng, không viết giấy tờ. Đến cuối tháng 6 năm 2021 vợ chồng ông D trả cho vợ ông số tiền 80.000.000 đồng. Thấy có uy tín nên đến tháng 01 năm 2022 vợ chồng ông D mượn tiếp vợ ông nhiều đợt từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, đến tháng 4 năm 2022 cộng lại là 100.000.000 đồng, đến tháng 6 năm 2022 vợ chồng ông D tiếp tục mượn số tiền 100.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, tổng cộng số tiền nợ là 200.000.000 đồng nhưng sau đó không trả mà mâu thuẫn giữa anh em gay gắt.

Tại phiên tòa ông xác định các lần cho vay tiền và giao tiền cho ông D chỉ có vợ ông với ông D, ông không trực tiếp tham gia; ông thừa nhận có nhận của ông D trả số tiền 15.000.000 đồng, ông xác định vợ chồng ông D còn nợ số tiền 165.000.000 (một trăm sáu mươi lăm triệu) đồng và thống nhất việc bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu vợ chồng Phan Hữu D, bà Nguyễn Thị Mỹ T1 trả số tiền vay gốc còn nợ 165.000.000 (một trăm sáu mươi lăm triệu) đồng và không yêu cầu vợ chồng ông D trả tiền lãi.

** Theo bản khai, biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ T1 trình bày:* Giữa bà và bà Hà Thị H có mối quan hệ là chị em dâu (chồng Phan Hữu D và ông Phan Hữu T chồng của bà H là anh em ruột). Trước đó bà không biết việc ông D có vay tiền của bà H nhưng đến cuối năm 2024 thì bà biết ông D có vay tiền của bà H do N (con bà H) nói cho bà biết bà H cho ông D vay tiền với lãi suất 5%/tháng, sau đó ông D không có tiền trả nên hạ lãi suất còn 4%/tháng. Ông D vay tiền làm gì bà không biết nên tự ông D trả nợ, bà không đồng ý cùng trả nợ cho bà H.

** Theo biên bản ghi lời khai người làm chứng anh Phan Hữu N trình bày:* Anh là con trai của bà H còn ông D là chú ruột. Năm 2021 ông D vay anh số tiền 10.000.000 đồng, không viết giấy tờ, cũng không thỏa thuận lãi suất nhưng mỗi tháng ông D đưa anh 100.000 đồng, có khi 200.000 đồng. Một tháng sau cũng trong năm 2021, ông D vay tiếp số tiền 40.000.000 đồng, cũng không viết giấy tờ và không thỏa thuận lãi suất, đối với khoản vay này ông D đưa cho anh mỗi tháng từ 300.000 đồng - 400.000 đồng tiền lãi, khoản tiền vay này hiện ông D chưa trả xong. Việc bà H (mẹ) cho ông D vay tiền như thế nào, số tiền bao nhiêu, lãi suất bao nhiêu thì anh không rõ, anh không có liên quan gì đến khoản vay này.

** Theo biên bản ghi lời khai người làm chứng chị Phan Thị Ái V trình bày:* Chị là con gái của bà Hà Thị H, còn ông Phan Hữu D là chú ruột. Năm 2021 chị có cho ông D vay số tiền 10.000.000 đồng, không viết giấy tờ và không thỏa thuận lãi suất nhưng mỗi tháng ông D đưa chị 200.000 đồng tiền lãi. Một tháng sau cũng trong năm 2021, ông D tiếp tục vay số tiền 10.000.000 đồng, cũng không viết giấy tờ và không thỏa thuận lãi suất. Trong năm 2021 không nhớ tháng, ông D tiếp tục vay số tiền 20.000.000 đồng, không viết giấy tờ và không thỏa thuận lãi suất. Năm 2022 ông D đã trả cho chị 30.000.000 đồng tiền vay gốc, hiện còn nợ 10.000.000 đồng. Thời gian

đó chị mới sinh con, đang ở cữ nhà mẹ nên chị biết ông D có vay tiền của mẹ (H) và đưa tiền lãi cho mẹ nhưng cụ thể số tiền vay bao nhiêu, lãi suất thỏa thuận như thế nào thì chị không rõ.

* Luật sư Nguyễn Thanh H1 phát biểu luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Hà Thị H: Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn thống nhất xác định còn nợ số tiền 165.000.000 đồng, nguyên đơn yêu cầu trả một lần và không yêu cầu tính tiền lãi nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc vợ chồng ông D trả cho nguyên đơn số tiền 165.000.000 đồng.

* Luật sư Hoàng Trọng Q phát biểu luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Phan Hữu D: Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất về số tiền vay gốc còn nợ là 165.000.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận. Bà H cho ông D vay lãi suất 5%/tháng là lãi suất cao, thực tế vợ chồng ông D hiện đang khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc tính lại lãi suất.

* Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

1- Chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị H, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị H, buộc ông Phan Hữu D có trách nhiệm trả một lần cho bà Hà Thị H số tiền vay gốc là 165.000.000 (một trăm sáu mươi lăm triệu) đồng.

2- Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của bà H

3- Không chấp nhận yêu cầu của ông Phan Hữu D về việc trả dần

4- Các đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, những người làm chứng anh Phan Hữu N, chị Phan Thị Ái V có đơn xin xét xử vắng mặt, việc vắng mặt của những người làm chứng không ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N và chị V.

[1.2] Trong đơn khởi kiện bà Hà Thị H yêu cầu vợ chồng ông Phan Hữu D, bà Nguyễn Thị Mỹ T1 hoàn trả số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa, bà Hà Thị H thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu vợ chồng ông Phan Hữu D, bà Nguyễn Thị Mỹ T1 hoàn trả số tiền vay gốc còn nợ là 165.000.000 (một trăm sáu mươi lăm triệu) đồng. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị H không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị H.

[1.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, cho đến trước phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì bị đơn ông Phan Hữu D không có yêu cầu phản tố và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Hữu T, bà Nguyễn Thị Mỹ T1 không có yêu cầu độc lập.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xác định số tiền vay gốc: Theo đơn khởi kiện bà Hà Thị H yêu cầu vợ chồng ông Phan Hữu D, bà Nguyễn Thị Mỹ T2 số tiền vay gốc còn nợ là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng; Kèm theo đơn khởi kiện, bà H có cung cấp 01 file ghi âm không có hình ảnh dài 25 phút, có nhiều tiếng ồn, có 05 giọng nói cãi cọ nhau (trong đó có 03 giọng nói nữ và 02 giọng nói nam). Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H3 xác định vào tháng 11 năm 2022 ông D trả tiền vay gốc cho bà 20.000.000 đồng và trả cho ông T1 (chồng bà) nhận số tiền 15.000.000 đồng, còn nợ tiền vay gốc là 165.000.000 đồng (một trăm sáu mươi lăm triệu) đồng nên yêu cầu vợ chồng ông D bà T1 trả số tiền 165.000.000 (một trăm sáu mươi lăm triệu) đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1.1] Mặc dù việc cho vay giữa hai bên không lập văn bản và trong những lần làm việc trước, ông D không thừa nhận có vay tiền của bà H3. Tuy nhiên tại phiên tòa ngày 12/9/2024 ông D thừa nhận có vay tiền của bà H3 và xác định còn nợ số tiền vay gốc là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, bị đơn khai có thêm người làm chứng nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để bổ sung người tham gia tố tụng là người làm chứng và trưng cầu giám định file ghi âm do bà H3 cung cấp. Do đó Hội đồng xét xử đã quyết định tạm ngừng phiên tòa theo quyết định số 1956/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2024 để bổ sung người tham gia tố tụng là người làm chứng và trưng cầu giám định file ghi âm thuộc trường hợp thu thập bổ sung tài liệu chứng cứ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 259 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên sau đó bà H3 và ông D không yêu cầu giám định và không đồng ý nộp chi phí giám định. Mặc khác qua các chứng cứ do ông D cung cấp gồm giấy xác nhận việc cho vay lãi suất cao của bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị Tuyết P và bà Nguyễn Thị X (cùng trú tại thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định) đã chứng minh ông Phan Hữu D có vay tiền của bà Hà Thị H. Ngoài ra tại phiên đối chất ngày 03/01/2025 và tại phiên tòa hôm nay, ông D xác định lại lời khai tại phiên tòa ngày 12/9/2024 còn nợ bà H số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng là do có nhầm lẫn, ông D khẳng định và thừa nhận nhiều lần có vay tiền của bà H tổng cộng là 180.000.000 (một trăm tám mươi triệu) đồng, trả đã cho ông T1 (chồng bà H) nhận 2 lần tổng cộng 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng, xác định hiện còn nợ số tiền vay gốc là 165.000.000 (một trăm sáu mươi lăm triệu) đồng.

[2.1.2] Như vậy, nguyên đơn bà H và bị đơn ông D, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T1 cùng xác định số tiền vay gốc còn nợ là 165.000.000 (một trăm sáu mươi lăm triệu) đồng là phù hợp với lời trình bày của ông D, bà H, ông T1 và các chứng cứ có trong hồ sơ nên đây được coi là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và được công nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó có đủ cơ sở xác định ông Phan Hữu D còn nợ vợ chồng bà Hà Thị H, ông Phan Hữu T số tiền vay gốc là 165.000.000 (một trăm sáu mươi lăm triệu) đồng.

[2.2] Xét yêu cầu tính tiền lãi:

[2.2.1] Bà Hà Thị H xác định khi ông Phan Hữu D vay tiền, hai bên không có thỏa thuận mức lãi suất, hàng tháng ông D đưa tiền lãi cho bà có khi 300.000 đồng hoặc 400.000 đồng, tổng cộng khoảng 13.000.000 đồng. Ngược lại, bị đơn ông Phan Hữu D xác định mức lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng, ông đã trả tiền lãi cho bà H từ khoảng tháng 4 năm 2019 cho đến tháng 8 năm 2022 với mức lãi suất cao nên yêu cầu tính lại tiền lãi theo quy định pháp luật nhưng không được vợ chồng bà H ông T thừa nhận. Ông D cũng không có chứng cứ chứng minh về mức lãi suất thỏa thuận 5%/tháng và việc trả tiền lãi cho bà H như ông đã trình bày. Mặc dù ông D có cung cấp cho Tòa án giấy xác nhận việc cho vay lãi suất cao của bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị Tuyết P và bà Nguyễn Thị X; Tuy nhiên qua xác minh thì những người này đều xác định có biết việc ông D vay tiền của bà H nhưng không biết số tiền vay và mức lãi suất là bao nhiêu, giấy xác nhận việc cho vay lãi suất cao do ông D làm sẵn nội dung và đưa ký, cho nên những tài liệu này không có giá trị chứng minh việc bà H cho ông D vay lãi suất cao. Do đó không có căn cứ chấp nhận lời khai của ông D về việc trả tiền lãi 5%/tháng từ tháng 4 năm 2019 cho đến tháng 8 năm 2022 và Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu tính lại tiền lãi của ông D.

[2.2.2] Tại phiên tòa, bà Hà Thị H tự nguyện rút yêu cầu tính tiền lãi nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu tính tiền lãi của bà H.

[2.3] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà T không đồng ý cùng ông D trả nợ cho vợ chồng bà H. Bà H xác định quá trình thỏa thuận giao dịch vay tiền và giao tiền bà chỉ giao dịch trực tiếp với ông D, bà T không tham gia và bà cũng không nói cho bà T biết việc ông D vay tiền; ngoài ra bà H cũng không có căn cứ chứng minh việc ông D vay tiền của bà để nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên không có căn cứ buộc bà T cùng có trách nhiệm với ông D trả tiền vay cho vợ chồng bà H, ông T. Do đó chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H buộc ông Phan Hữu D có có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Hà Thị H, ông Phan Hữu T số tiền vay gốc còn nợ là 165.000.000 (Một trăm sáu mươi lăm triệu) đồng.

[2.4] Ông Phan Hữu D xin trả dần mỗi năm 20.000.000 đồng nhưng không được vợ chồng bà Hà Thị H, ông Phan Hữu T đồng ý và cũng không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin trả dần của ông D.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; ông Phan Hữu D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.250.000 (tám triệu hai trăm năm mươi triệu) đồng [cách tính: 165.000.000 đồng x

5%]. Bà Hà Thị H không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử công nhận số tiền nguyên đơn và bị đơn cùng thừa nhận tại phiên tòa còn nợ 165.000.000 đồng là phù hợp với diễn biến tại phiên tòa và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận. Đối với đề nghị của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn về xem xét tính lại lãi suất là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[5] Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 229, khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 469 Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị H. Xác định ông Phan Hữu D còn nợ vợ chồng bà Hà Thị H, ông Phan Hữu T số tiền vay gốc là 165.000.000 (Một trăm sáu mươi lăm triệu) đồng.

2. Buộc ông Phan Hữu D có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Hà Thị H, ông Phan Hữu T số tiền vay gốc là 165.000.000 (Một trăm sáu mươi lăm triệu) đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu tính lại tiền lãi và xin trả dần của ông Phan Hữu D vì không có căn cứ.

4. Không chấp nhận yêu cầu của bà Hà Thị Hồng B bà Nguyễn Thị Mỹ T1 cùng chịu trách nhiệm trả nợ với ông Phan Hữu D.

5. Đình chỉ yêu cầu tính tiền lãi do bà Hà Thị Hồng R yêu cầu

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Hữu D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.250.000 (tám triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng. Hoàn trả cho bà Hà Thị H tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 5.000.000 (năm triệu) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005474 ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

7. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa nếu không đồng ý bản án này có quyền kháng cáo lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án sơ thẩm.

8. Quyền, nghĩa vụ thi hành án:

8.1 Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật " \o "Dân"Dân sự năm 2015.

8.2 Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND TX. An Nhơn
- Chi cục THA TX. An Nhơn
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mỹ Lệ

